TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **44**/2018/DS-ST Ngày 05 - 4 - 2018 (V/v tranh chấp hợp đồng vay)	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ninh Quang Thế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông (Bà) Trần Kim Nguyện

Ông (Bà) Trần Thị Cúc

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà) Trần Thuý Kiều là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2018/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn K M; Địa chỉ cư trú: Nhà không số, khóm 6, phường 8, Tp M, tỉnh Cà Mau*(Có mặt)*.

- *Bị đơn:* Chị Phùng Thị T N; Địa chỉ cư trú: Số 37, Khóm 5, phường 7, Tp.M, tỉnh Cà Mau *(Vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị M trình bày: Ngày 11/10/2017 chị có cho chị N vay số tiền 180.000.000đ, chị N có viết biên nhận nợ cho chị, cách thức thanh toán chị N trả góp cho chị mỗi tháng 5.000.000đ vốn và 2.000.000đ lãi, số tiền trả vốn và lãi cố định trả trong hạn ba năm. Sau khi vay chị N trả cho chị được một tháng theo thoả thuận thì ngưng và bỏ đi đâu không biết. Nay chị yêu cầu chị N thanh toán cho chị số tiền 175.000.000đ ngoài ra chị không yêu cầu gì thêm.

Chị N đã được tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng chị cố tình vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của chị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay giữa cá nhân với cá nhân nên đây là tranh chấp dân sự, bị đơn cư trú tại Tp M nên theo quy định tại điều 26,35 tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M. Giao dịch giữa các đương sự thiết lập vào ngày 11/10/2017 nên Luật nội dung để áp dụng giải quyết tranh chấp này là BLDS.

[2] Thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng của Toà án cho chị N tham gia tố tụng được Toà án tống đạt hợp lệ thông qua bà Phạm T Nh là mẹ ruột của chị N nhưng chị N không đến Toà án để giải quyết tranh chấp với chị M, việc chị N không đến Toà án được xem là cố tình vắng mặt nên căn cứ vào điều 227,228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt chị, Toà án căn cứ vào chứng cứ chị M cung cấp để giải quyết vụ án.

[3] Theo biên nhận nợ chị M cung cấp, chị N viết cho chị M thì số tiền vốn chị N vay của chị M là 180.000.000đ, do chị N vắng mặt và không cung cấp chứng cứ nào phản bác yêu cầu và chứng cứ mà chị M cung cấp nên chấp nhận số nợ chị N nợ chị M như biên nhận chị M cung cấp chị N nợ 180.000.000đ là phù hợp.

[4] Về thời hạn và nghĩa vụ thanh toán: Theo biên nhận mà chị N viết cho chị M "... Sẽ trả đủ trong ba năm", tuy nhiên theo chị M thì nghĩa vụ của chị N là trả góp hàng tháng, cụ thể chị N đã góp được một tháng 5.000.000đ vốn và 2.000.000đ lãi thì ngưng và tránh mặt chị, việc Toà án triệu tập chị N để giải quyết chị N vắng mặt cũng không phản hồi về vấn đề này nên chấp nhận theo lời trình bày của chị M, chị N đã vi phạm về thời gian và nghĩa vụ thanh toán hàng tháng nên cần buộc chị N thanh toán số tiền này cho chị M là phù hợp.

[5] Đối với số tiền vốn còn lại: Chị M thừa nhận đã nhận của chị N 5.000.000đ vốn, chị đồng ý đối trừ còn lại 175.000.000đ yêu cầu của chị là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận. Đối với khoản lãi chị M không yêu cầu, riêng số tiền lãi 2.000.000đ chị N đã trả cho chị xem như đối trừ lãi thời gian qua, nếu tính lãi theo quy định của pháp luật từ khi vay đến nay sẽ hơn 2.000.000đ nên chấp nhận yêu cầu không tính lãi của chị M và cũng không đối trừ 2.000.000đ mà chị N đã thanh toán.

[4] Về án phí chị N phải nộp theo quy định tại điều 147 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463,466,468,470 BLDS; Điều 147 BLTTDS.

1. Buộc chị Phùng Thị T N thanh toán cho chị Nguyễn K M số tiền 175.000.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng chẵn). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị N không tự nguyện thi hành xong, còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả cho đến thi hành xong.

2. Án phí dân sự sơ thẩm chị N phải nộp 8.750.000đ khi án có hiệu lực. Chị M không phải nộp, ngày 06/02/2018 chị đã dự nộp 4.500.000đ tại lai số 0337 chị được hoàn lại khi án có hiệu lực .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật THA dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật THA dân sự; thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật THA dân sự .

Chị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án . Chị N kể từ ngày tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Theo quy định tại Điều 269 BLTTDS;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Ninh Quang Thế